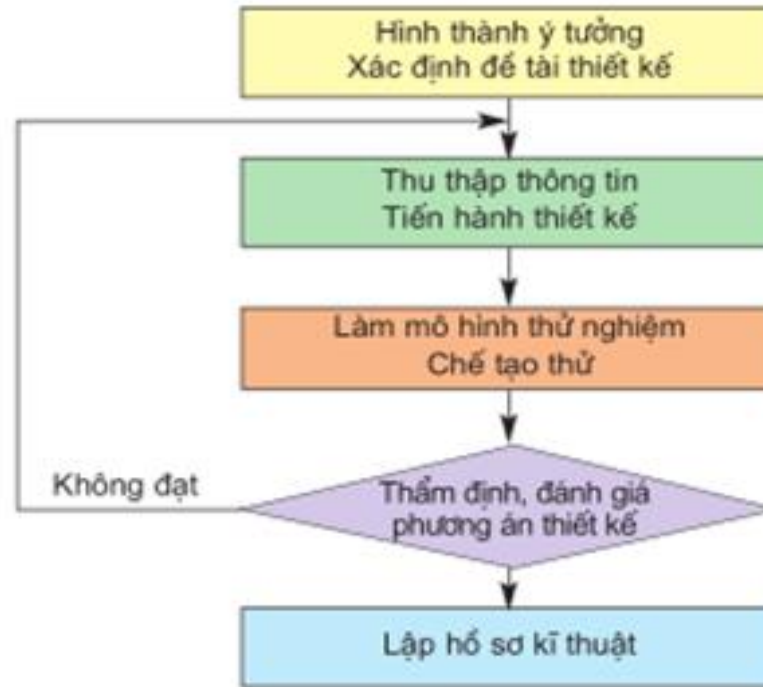


KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY MÔN CÔNG NGHỆ – KHỐI 11
TỪ NGÀY 11/10/2021 ĐẾN 23/10/2021

Tuần	Tiết	Bài	Nội dung
Tuần 6: (11/10- 16/10)	11	Thiết kế và bản vẽ kỹ thuật	<p style="text-align: center;">BÀI 8: THIẾT KẾ VÀ BẢN VẼ KỸ THUẬT</p> <p>I - THIẾT KẾ:</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>- Thiết kế một sản phẩm là quá trình hoạt động sáng tạo của con người bao gồm nhiều giai đoạn nhằm xác định hình dạng, kích thước, kết cấu và chức năng của sản phẩm đó.</p> <p>2. Các giai đoạn thiết kế</p> <p>- Quá trình thiết kế có thể được tóm lược theo sơ đồ sau:</p>



Hình 8.1. Sơ đồ quá trình thiết kế

II - BẢN VẼ KỸ THUẬT

1. Các loại bản vẽ kỹ thuật

Bản vẽ kỹ thuật là các thông tin kỹ thuật được trình bày dưới dạng đồ họa theo các quy tắc thống nhất.

Có hai loại BVKT:

- Bản vẽ cơ khí: gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng các máy móc và thiết bị.
- Bản vẽ xây dựng: gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra sử dụng các công trình

			<p>kiến trúc và xây dựng.</p> <p>2. Vai trò của bản vẽ kỹ thuật đối với thiết kế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc các bản vẽ để thu thập thông tin liên quan đến đề tài thiết kế. - Vẽ các bản vẽ phác của sản phẩm khi lập phương án thiết kế để thể hiện ý tưởng thiết kế. - Vẽ các bản vẽ chi tiết và bản vẽ tổng thể của sản phẩm để chế tạo và kiểm tra sản phẩm. Vẽ các sơ đồ, bản vẽ để hướng dẫn vận hành sử dụng sản phẩm. <p>Các bản vẽ của sản phẩm là tài liệu chính của hồ sơ kỹ thuật, kết quả cuối cùng của công việc thiết kế.</p>
12	Ôn tập kiểm tra 1 tiết		<p style="text-align: center;">ÔN TẬP KIỂM TRA 1 TIẾT</p> <p>I. Hệ thống hóa kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật. - Hình chiếu vuông góc. - Mặt cắt và hình cắt. - Hình chiếu trục đo. - Hình chiếu phối cảnh. - Thiết kế và bản vẽ kỹ thuật. <p>II. Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm</p> <p>Câu 1: TCVN qui định khổ giấy của các bản vẽ kỹ thuật gồm mấy khổ giấy chính? A. 3 B. 4 C. 5 D. 6</p> <p>Câu 2: Từ khổ giấy A3 muốn có khổ giấy nhỏ hơn là khổ giấy A4 ta làm như thế nào? A. Chia đôi chiều rộng khổ giấy B. Chia đôi khổ giấy C. Chia đôi chiều dài khổ giấy D. Cả B và C đều đúng</p> <p>Câu 3: Từ khổ giấy A2 muốn có khổ giấy nhỏ hơn là khổ giấy A3 ta làm như thế nào? A. Chia đôi chiều rộng khổ giấy B. Chia đôi khổ giấy C. Chia đôi chiều dài khổ giấy</p>

D. Cả B và C đều đúng

Câu 4: Từ khổ giấy A1 muốn có khổ giấy nhỏ hơn là khổ giấy A2 ta làm như thế nào?

A. Chia đôi chiều rộng khổ giấy

B. Chia đôi khổ giấy

C. Chia đôi chiều dài khổ giấy

D. Cả B và C đều đúng

Câu 5: Từ khổ giấy A0 muốn có khổ giấy nhỏ hơn là khổ giấy A1 ta làm như thế nào?

A. Chia đôi chiều rộng khổ giấy

B. Chia đôi khổ giấy

C. Chia đôi chiều dài khổ giấy

D. Cả B và C đều đúng

Câu 6: Khổ giấy A1 lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A4?

A. 4 lần

B. 6 lần

C. 8 lần

D. 16 lần

Câu 7: Khổ giấy A1 lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A3?

A. 4 lần

B. 6 lần

C. 8 lần

D. 16 lần

Câu 8: Khổ giấy A2 lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A4?

A. 4 lần

B. 6 lần

C. 8 lần

D. 16 lần

Câu 9: Khổ giấy A0 lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A3?

A. 4 lần

B. 6 lần

C. 8 lần

D. 16 lần

Câu 10: Theo TCVN, từ khổ giấy A0, chia bao nhiêu lần sẽ được khổ giấy A3?

A. 5 lần

B. 2 lần

C. 4 lần

D. 3 lần

Câu 11: Theo TCVN, từ khổ giấy A0, chia bao nhiêu lần sẽ được khổ giấy A4?

A. 5 lần

B. 2 lần

C. 4 lần

D. 3 lần

Câu 12: Theo TCVN, từ khổ giấy A1, chia bao nhiêu lần sẽ được khổ giấy A3?

A. 5 lần

B. 2 lần

C. 4 lần

D. 3 lần

Câu 13: Theo TCVN, từ khổ giấy A1, chia bao nhiêu lần sẽ được khổ giấy A4?

A. 5 lần

B. 2 lần

C. 4 lần

D. 3 lần

Câu 14: Cho biết vị trí của khung tên trên bản vẽ kỹ thuật:

A. Góc trái phía trên bản vẽ

B. Góc phải phía dưới bản vẽ

C. Góc phải phía trên bản vẽ

D. Góc trái phía dưới bản vẽ

Câu 15: Tỉ lệ là:

A. Gồm tỉ lệ phóng to, tỉ lệ thu nhỏ và tỉ lệ nguyên hình.

B. Là một số được thể hiện trên bản vẽ, và có thể là số thập phân.

C. Tỉ số giữa kích thước trên hình biểu diễn và kích thước thực của vật thể.

D. Tỉ số giữa kích thước thực của vật thể và kích thước trên hình biểu diễn.

Câu 16: Nét liền đậm dùng để vẽ:

A. Đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Đường tâm, đường trục đối xứng

D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 17: Nét liền mảnh dùng để vẽ:

A. Đường bao thấy, cạnh thấy.

- B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. Đường tâm, đường trục đối xứng
- D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 18: Nét đứt mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy.
- B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. Đường tâm, đường trục đối xứng
- D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 19: Nét gạch chấm mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy.
- B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. Đường tâm, đường trục đối xứng
- D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 20: Theo TCVN, kiểu chữ thường dùng trong bản vẽ kỹ thuật là:

- A. Kiểu chữ ngang.
- B. Kiểu chữ đứng
- C. Kiểu chữ nghiêng
- C. Tùy ý

Câu 21: Đường gióng vẽ vượt qua đường kích thước một khoảng:

- A. $4 \div 6$ mm
- B. $2 \div 3$ mm
- C. $2 \div 4$ mm
- D. $2 \div 6$ mm

Câu 22: Đường kích thước được vẽ bằng:

- A. Nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
- B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử ghi kích thước.
- C. Nét liền đậm, song song với phần tử ghi kích thước.
- D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử ghi kích thước.

Câu 23: Đường gióng kích thước được vẽ bằng:

- A. Nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
- B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử ghi kích thước.
- C. Nét liền đậm, song song với phần tử ghi kích thước.
- D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử ghi kích thước.

Câu 24: Hình chiếu bằng được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng? (PPCG1)

- A. Bên trái
- B. Ở trên
- C. Ở dưới
- D. Bên phải

Câu 25: Hình chiếu cạnh được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng? (PPCG1)

- A. Bên trái
- B. Ở trên
- C. Ở dưới
- D. Bên phải

Câu 26: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trên xuống ta thu được:

- A. Hình chiếu tùy ý.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Hình chiếu bằng.

Câu 27: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trước ta thu được:

- A. Hình chiếu tùy ý.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Hình chiếu bằng.

Câu 28: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trái sang ta thu được:

- A. Hình chiếu tùy ý.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Hình chiếu bằng.

Câu 29: Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay sang phải 90^0
- B. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay sang trái 90^0
- C. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay lên trên 90^0
- D. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay xuống dưới 90^0

Câu 30: Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay sang phải 90^0
- B. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay sang trái 90^0
- C. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay lên trên 90^0

D. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay xuống dưới 90^0

Câu 31: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trục đo của hình tròn là hình tròn.

Câu 32: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, vuông góc với phần tử ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trục đo của hình tròn là hình elip.

Câu 33: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn hình cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trục đo của hình tròn là hình elip.

Câu 34: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm sau mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trục đo của hình tròn là hình elip.

Câu 35: Đường bao của mặt cắt chập được vẽ bằng:

- A. Nét đứt mảnh
- B. Nét lượn sóng
- C. Nét liền đậm
- D. Nét liền mảnh

Câu 36: Đường bao của mặt cắt rời được vẽ bằng:

- A. Nét đứt mảnh
- B. Nét lượn sóng
- C. Nét liền đậm
- D. Nét liền mảnh

Câu 37: Mặt cắt chập được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

- A. Bên trái hình chiếu.
- B. Ngay lên hình chiếu.

C. Bên phải hình chiếu.

D. Bên ngoài hình chiếu.

Câu 38: Mặt cắt rời được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

A. Bên trái hình chiếu.

B. Ngay lên hình chiếu.

C. Bên phải hình chiếu.

D. Bên ngoài hình chiếu.

Câu 39: Hình cắt toàn bộ dùng để biểu diễn:

A. Vật thể đối xứng.

B. Hình dạng bên trong của vật thể.

C. Hình dạng bên ngoài của vật thể.

D. Tiết diện vuông góc của vật thể.

Câu 40: Hình cắt một nửa dùng để biểu diễn:

A. Vật thể đối xứng.

B. Hình dạng bên trong của vật thể.

C. Hình dạng bên ngoài của vật thể.

D. Tiết diện vuông góc của vật thể.

Câu 41: Hãy chọn câu trả lời đúng nhất:

A. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu vuông góc.

B. Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn ba chiều của vật thể được xây dựng bằng phép chiếu song song.

C. Bản vẽ cơ khí là các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng các máy móc, thiết bị.

D. Bản vẽ xây dựng là các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng các máy móc, thiết bị.

Câu 42: Góc trục đo của hình chiếu trục đo xiên góc cân có:

A. $\widehat{X'O'Z'} = 135^\circ$; $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 90^\circ$

B. $\widehat{X'O'Z'} = 90^\circ$; $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 135^\circ$

C. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 120^\circ$

D. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 135^\circ$

Câu 43: Góc trục đo của hình chiếu trục đo vuông góc đều có:

A. $\widehat{X'O'Z'} = 135^\circ$; $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 90^\circ$

B. $\widehat{X'O'Z'} = 90^\circ$; $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = 135^\circ$

C. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 120^\circ$

D. $\widehat{X'O'Y'} = \widehat{Y'O'Z'} = \widehat{X'O'Z'} = 135^\circ$

Câu 44: Hình chiếu trục đo xiên góc cân có hệ số biến dạng là:

A. $p = q = r = 0,5$.

B. $p = r = 1; q = 0,5$

C. $p = q = r = 1$

D. $p = q = 1; r = 0,5$

Câu 45: Hình chiếu trục đo vuông góc đều có hệ số biến dạng là:

A. $p = q = r = 0,5$.

B. $p = r = 1; q = 0,5$

C. $p = q = r = 1$

D. $p = q = 1; r = 0,5$

Câu 46: Trong hình chiếu trục đo, p là hệ số biến dạng theo trục nào?

A. $O'X'$

B. $O'Z'$

C. $O'Y'$

D. OX

Câu 47: Trong hình chiếu trục đo, q là hệ số biến dạng theo trục nào?

A. $O'X'$

B. $O'Z'$

C. $O'Y'$

D. OY

Câu 48: Trong hình chiếu trục đo, r là hệ số biến dạng theo trục nào?

A. $O'X'$

B. $O'Z'$

C. $O'Y'$

D. OZ

Câu 49: Hãy chọn câu trả lời đúng nhất:

A. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu xuyên tâm.

B. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn ba chiều của vật thể được xây dựng bằng phép chiếu vuông góc.

C. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu song song.

D. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn hai chiều của vật thể được xây dựng bằng phép chiếu vuông góc.

Câu 50: Trong phép chiếu xuyên tâm, mặt phẳng tầm mắt là gì?

A. Là mặt phẳng nằm ngang đặt vật thể lên đó.

B. Là một mặt phẳng thẳng đứng tưởng tượng.

C. Là mặt phẳng nằm ngang đi qua điểm nhìn.

D. Là một mặt phẳng đặt song song với vật thể.

Câu 51: Có mấy bước để vẽ phác hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ của 1 vật thể?

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 52: Trong phép chiếu xuyên tâm, mặt tranh là gì?

- A. Là mặt phẳng nằm ngang đặt vật thể.
- B. Là mặt phẳng đặt vật thể.
- C. Là mặt phẳng thẳng đứng tương tự.
- D. Là mặt phẳng nằm ngang đi qua điểm nhìn.

Câu 53: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình chiếu phối cảnh tạo ra cho người xem ấn tượng về khoảng cách xa gần của vật thể.
- B. Hình chiếu phối cảnh được chia làm 2 loại: hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ và hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ.
- C. Hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ nhận được khi mặt tranh song song với một mặt của vật thể.
- D. Hình chiếu phối cảnh 2 điểm tụ nhận được khi mặt tranh song song với một mặt của vật thể.

Câu 54: Hình chiếu phối cảnh được sử dụng trong các bản vẽ?

- A. Bản vẽ cơ khí.
- B. Bản vẽ thiết kế.
- C. Bản vẽ xây dựng.
- D. Bản vẽ thiết kế kiến trúc và xây dựng.

Câu 55: Hình thành ý tưởng. Xác định đề tài thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 56: Thu thập thông tin. Tiến hành thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 57: Làm mô hình thử nghiệm. Chế tạo thử là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 58: Thẩm định, đánh giá phương án thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 59: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về bản vẽ cơ khí?

- A. Bản vẽ cơ khí: gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng các máy móc và thiết bị.
- B. Bản vẽ cơ khí bao gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, kiểm tra, chế tạo các thiết bị máy móc.
- C. Bản vẽ cơ khí bao gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp ráp và sử dụng các thiết bị máy móc.
- D. Bản vẽ cơ khí bao gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp và kiểm tra các thiết bị máy móc.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về bản vẽ xây dựng?

- A. Bản vẽ xây dựng gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng...các công trình kiến trúc.
- B. Bản vẽ xây dựng gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng...các công trình kiến trúc và xây dựng.
- C. Bản vẽ xây dựng gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng...các công trình kiến trúc và xây dựng.
- D. Bản vẽ xây dựng gồm các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng...các công trình xây dựng.

Tuần 7:
(18/10-
23/10)

13

Ôn tập
kiểm
tra 1
tiết

ÔN TẬP KIỂM TRA 1 TIẾT (tiếp)

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. C	2. C	3. C	4. C	5. C	6. D	7. C	8. C	9. C	10. D
11. C	12. B	13. D	14. B	15. C	16. A	17. D	18. B	19. C	20. B

			21. C	22. A	23. B	24. C	25. D	26. D	27. B	28.C	29.A	30. D
			31. D	32. C	33. B	34. A	35. D	36. C	37. B	38. D	39. B	40. A
			41. B	42. B	43. C	44. B	45. C	46. A	47. C	48. B	49. A	50. C
			51. C	52. C	53. D	54. D	55. A	56. B	57. C	58. D	59. A	60. C
	14	Kiểm tra 1 tiết	KIỂM TRA 1 TIẾT									